

THÔNG TƯ số 104/2001/TT-BTC ngày 26/12/2001 hướng dẫn sửa đổi điểm 1 Phần IV Thông tư số 85/1998/TT-BTC ngày 25/6/1998 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Quy chế quản lý tài chính Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 20/1998/QĐ-TTg ngày 26/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 1 Phần IV Thông tư số 85/1998/TT-BTC ngày 25/6/1998 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam như sau:

"1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam được sử dụng tiền tạm thời nhàn rỗi của Quỹ bảo hiểm xã hội để thực hiện các biện pháp bảo tồn giá trị và tăng trưởng. Việc dùng Quỹ bảo hiểm xã hội để đầu tư phải đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất, bảo toàn được giá trị, có hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Tiền nhàn rỗi của Quỹ bảo hiểm xã hội được ưu tiên cho ngân sách nhà nước vay để giải quyết nhu cầu chi cần thiết và được trả lãi như sau:

+ Đối với các khoản cho vay dưới 1 năm, áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của các ngân hàng thương mại.

+ Đối với khoản cho vay từ 1 năm trở lên, áp dụng lãi suất do Thủ tướng Chính phủ quy định. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không quy định thì được áp dụng lãi suất như cho Quỹ hỗ trợ phát triển vay (theo cùng thời hạn).

- Mua tín phiếu, trái phiếu do Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại nhà nước phát hành.

- Cho Quỹ hỗ trợ phát triển và các ngân hàng thương mại nhà nước vay.

- Đầu tư vào một số dự án và doanh nghiệp lớn của Nhà nước được Thủ tướng cho phép và bảo trợ".

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

THÔNG TƯ số 105/2001/TT-BTC ngày 27/12/2001 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp, quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 874/TTg ngày 20/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 74/2001/QĐ-TTg ngày 07/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2001 - 2005;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng đào tạo:

- Cán bộ, công chức hành chính đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể ở Trung ương và địa phương.
- Cán bộ, công chức sự nghiệp.
- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
- Cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn, trưởng thôn, trưởng bản.

2. Phạm vi sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước:

- Kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước được bố trí hàng năm trong dự toán ngân sách của các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng kiến thức (bao gồm cả bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý ngành) cho các đối tượng cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành, địa phương (bao gồm đào tạo trực tiếp tại cơ sở và cử đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo khác), theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

- Tùy theo khả năng bố trí kinh phí và nhu cầu đào tạo cán bộ, công chức của mình, các Bộ, ngành, địa phương có thể sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước để hỗ trợ một phần chi phí cho đối tượng là cán bộ, công chức nhà nước được cử đi học đại học (và tương đương), trên đại học (và tương đương). Số kinh phí dành cho việc hỗ trợ này tối đa không quá 10% tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước được phân bổ trong năm.

- Nguồn kinh phí này không sử dụng để chi

cho bộ máy quản lý công tác đào tạo của các Bộ, ngành, địa phương; không dùng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức. Đối với các Bộ, ngành, địa phương được Chính phủ cho phép thành lập các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước thì kinh phí quản lý bộ máy do các Bộ, ngành, địa phương đảm bảo từ kinh phí chi thường xuyên hàng năm.

II. NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

1. Chi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

1.1. Mức chi ngân sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở trong nước là 3,6 triệu đồng/1 suất đào tạo (10 tháng học/người tính bằng một suất; mỗi tháng học là 360.000 đồng/1 học viên). Trường hợp các lớp bồi dưỡng được tổ chức với thời gian học tập từ 10 ngày trở xuống được bố trí kinh phí theo mức chi bằng 50% định mức chi cho 1 (một) tháng. Đối với những lớp bồi dưỡng được tổ chức với thời gian học tập trên 10 ngày được bố trí kinh phí theo định mức chi của 1 (một) tháng.

1.2. Trách nhiệm của cơ quan cử cán bộ, công chức đi học:

- Tạo điều kiện về thời gian và bố trí công việc chuyên môn để thuận lợi cho việc đi học của cán bộ, công chức;

- Trả lương và các khoản tiền thưởng, phúc lợi khác cho cán bộ, công chức trong thời gian đi học theo đúng quy định phân phối tiền thưởng và phúc lợi của cơ quan, đơn vị;

- Thanh toán chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về) cho cán bộ, công chức đi học tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 94/1998/TT-BTC ngày 30/6/1998 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước;

- Thanh toán cho cán bộ, công chức chi phí

phải nộp cho cơ sở đào tạo trong trường hợp gửi cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo khác. Căn cứ để thanh toán là chứng từ thu tiền theo quy định của Bộ Tài chính do cơ sở nhận đào tạo cấp. Mức thanh toán tối đa không quá 360.000 đồng/1 người 1 tháng.

1.3. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lớp học:

1.3.1. Chi cho giảng viên:

1.3.1.1. Chi thù lao giảng viên (một buổi giảng được tính bao gồm 4 tiết):

- Đối với giảng viên là Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương: 150.000 đồng/buổi.

- Đối với giảng viên là cấp Cục, Vụ, Viện, các giáo sư, tiến sĩ, chuyên viên cao cấp và tương đương: 120.000 đồng/buổi.

- Đối với giảng viên là các đối tượng khác: 90.000 đồng/buổi.

- Đối với giảng viên nước ngoài được cấp có thẩm quyền cho phép mời giảng dạy: Mức thù lao do cơ quan, đơn vị thỏa thuận với chuyên gia trên cơ sở khả năng bố trí kinh phí của cơ quan, đơn vị.

Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các trường bồi dưỡng cán bộ, hưởng lương giáo viên (Trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, Trường chính trị tỉnh, thành phố...), thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán phụ cấp giảng bài theo chế độ giảng vượt giờ áp dụng cho giảng viên các trường cao đẳng, đại học, không trả theo mức trên khi tham gia giảng dạy các lớp học do cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho các trường thực hiện; còn khi được mời giảng dạy tại các lớp học khác vẫn được hưởng theo chế độ quy định nêu trên.

1.3.1.2. Chi phí cho việc đi lại, bố trí nơi ở cho giảng viên. Trường hợp không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ, cơ quan tổ chức lớp học phải thuê ngoài thì được chi với mức chi không quá mức chi được quy định tại Thông tư số 94/1998/TT-BTC ngày 30/6/1998 của Bộ Tài chính.

1.3.2. Chi cho học viên:

- Hỗ trợ một phần tiền ăn, ở cho học viên ở xa: Căn cứ khả năng bố trí kinh phí, điều kiện tổ chức lớp học (về địa điểm, thành phần học viên, thời gian học tập...) mà các Bộ, ngành, địa phương xem xét quyết định nhưng tối đa không quá 10.000 đồng/1 người/1 ngày.

- Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

- Trả tiền thuê xe và chi phí cho việc liên hệ tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có).

1.3.3. Chi cho cộng tác tổ chức lớp học:

- Tiền thuê hội trường (hoặc phòng học), thuê dụng cụ phục vụ giảng dạy như đèn chiếu, máy vi tính...: Thanh toán theo thực tế.

- Chi tiền văn phòng phẩm và nước uống phục vụ lớp học.

- Chi tiền điện, tiền nước, tiền phục vụ, trông coi xe.

- Chi khai giảng, bế giảng, chấm thi, cấp chứng chỉ, khen thưởng học viên xuất sắc; chi quản lý lớp học.

2. Chi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

2.1. Trách nhiệm của cơ quan cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

Ngoài những nội dung chi được quy định tại tiết 1, 2, 3 điểm 1.2 nêu trên, cơ quan cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài còn có trách nhiệm thanh toán các khoản chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa), cho cán bộ, công chức được cử đi đào tạo.

2.2. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức đoàn đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

- Chi phí dịch vụ phải trả cho tổ chức dịch vụ theo hợp đồng (nếu có).

- Chi học phí và các khoản lệ phí bắt buộc phải trả (nếu có) cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch

vụ ở nước ngoài theo các hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

- Chi phí cho công tác phiên dịch (nếu có).
- Chi phí bảo hiểm y tế (theo quy định cụ thể của từng nước) trong thời gian học tập ở nước ngoài: Khoản chi này được tính toán theo nguyên tắc bảo đảm nhu cầu tối thiểu cho việc khám chữa bệnh.
- Chi phí cho công tác tổ chức lớp học: Khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.
- Chi phí ăn, ở, đi lại, lệ phí sân bay được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/1999/TT-BTC ngày 04/5/1999 và Thông tư số 108/1999/TT-BTC ngày 04/9/1999 của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài.

III. LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

1. Đào tạo cán bộ, công chức ở trong nước:

- Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước do Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ dự kiến và khả năng của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bố trí ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở trong nước.

Trên cơ sở dự toán ngân sách được quyết định, căn cứ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước do Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phân bổ; Bộ Tài chính dự kiến phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cùng với giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước thuộc địa phương quản lý được bố trí chung trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm; căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước của địa phương do Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn, khả năng cân đối ngân sách địa phương; các tỉnh, thành phố chủ động bố trí ngân sách để tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước của địa phương đảm bảo theo kế hoạch.

- Ngoài nguồn kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước được bố trí hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào khả năng ngân sách của mình, có thể tăng chi cho nhiệm vụ này theo chế độ, định mức quy định.

2. Đào tạo cán bộ, công chức ở nước ngoài:

2.1. Lập và giao dự toán:

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch cử cán bộ, công chức đi đào tạo ở nước ngoài của các Bộ, ngành, địa phương; Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở nước ngoài, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kèm theo dự toán chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở nước ngoài trong năm theo những tiêu chí sau:

- Cơ quan được giao tổ chức các đoàn đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.
- Đối tượng cán bộ, công chức dự kiến cử đi đào tạo.
- Thời gian học tập tại nước ngoài.
- Cơ sở đào tạo được cử đến đào tạo.
- Kinh phí dự kiến cho từng đoàn.
- Tổng kinh phí cho đào tạo cán bộ, công chức nhà nước ở nước ngoài.

0965877

Căn cứ kế hoạch của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và khả năng của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở nước ngoài trong tổng dự toán chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm.

Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách năm của Chính phủ, Bộ Tài chính sẽ bố trí kinh phí cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài trong dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị được giao chủ trì thực hiện.

2.2. Quản lý và sử dụng:

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở nước ngoài được thực hiện như quy định đối với các khoản chi bằng ngoại tệ được cấp phát theo hình thức hạn mức kinh phí năm tính bằng Đồng Việt Nam cho các đoàn đi công tác nước ngoài tại Thông tư số 40/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ qua Kho bạc nhà nước Trung ương của Bộ Tài chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2002 và thay thế Thông tư số 150/1998/TT-BTC ngày 19/8/1998 của Bộ Tài chính.

Hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổng hợp và gửi báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ:

- Báo cáo 6 tháng: gửi trước ngày 31 tháng 7.

- Báo cáo cả năm: gửi trước ngày 31 tháng 1 của năm sau.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 1389/2001/QĐ-NHNN
ngày **07/11/2001** ban hành **Quyết định về việc thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại.**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 150/2001/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,